

Số: /BC-CTK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**THÁNG 4 VÀ 4 THÁNG NĂM 2023**

Kinh tế Thành phố diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, thị trường tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro. Để giải quyết các khó khăn của nền kinh tế, Thành uỷ, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết liệt chỉ đạo công tác giải ngân vốn đầu tư công, giải quyết các vướng mắc về thủ tục hành chính, khẩn trương thực hiện các Nghị quyết, chính sách của Trung ương về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Ước tính kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2023 như sau:

**1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Ngành nông nghiệp Thành phố tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, áp dụng công nghệ cao, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ sinh học. Xu hướng tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

**1.1. Nông nghiệp**

**1.1.1. Trồng trọt**

Tổng diện tích gieo trồng đến ngày 15/4/2023 đạt 15.603,4 ha, giảm 1,8% so với cùng kỳ, trong đó giảm chủ yếu diện tích gieo trồng lúa, ngô, mía, hoa lan.

*Vụ Đông Xuân*

Diện tích gieo cấy lúa đạt 4.243,0 ha, giảm 4% so với cùng kỳ; diện tích đã thu hoạch đạt 4.137,0 ha, giảm 4,8%.

*Vụ Hè Thu*

Diện tích lúa đã xuống giống 523 ha, giảm 1,3% so với cùng kỳ.

*Cây hàng năm*

Diện tích trồng ngô đạt 218,5 ha, giảm 4,7%.

Diện tích trồng sắn mỳ đạt 101,0 ha, tăng 4,1%.

Diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 2.949,5 ha, tăng 1,2%, sản lượng ước đạt 103.919,1 tấn, tăng 4,9%.

*Tình hình sinh vật gây hại:*

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 810 ha, tăng 12,4% so với cùng kỳ; diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau 631,6 ha, giảm 8,8%; các sinh vật gây hại chủ yếu là sâu cuốn lá nhỏ, chuột và ốc bươu vàng.

### **1.1.2. Chăn nuôi**

Tháng 4/2023, Thành phố tiếp tục ghi nhận sự duy trì ổn định về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn do tình hình kiểm soát dịch bệnh tốt và đảm bảo sản lượng thịt, trứng cung cấp cho thị trường. Tổng đàn trâu, bò, lợn và gia cầm có sự ổn định. Cụ thể:

- Đàn trâu ước tính có 3.102 con.
- Đàn bò ước tính có 100.459 con, giảm 5,5%, trong đó đàn bò sữa có 74.997 con, giảm 0,5%.
- Đàn lợn thịt ước tính có 182.160 con, tăng 8,1%.
- Đàn gia cầm của Thành phố ước tính có 367,2 nghìn con, tăng 0,1%, trong đó đàn gà có 347,1 nghìn con, tăng 0,1%.

Dự báo giá nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi tăng nhẹ so với năm trước, các hộ chăn nuôi chưa mạnh dạn tái đàn do nhu cầu tiêu thụ của thị trường tăng chậm.

### **1.2. Lâm nghiệp**

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện nay khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6%, tăng 0,1% so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản tại Thành phố hiện nay còn rất ít, chủ yếu là củi tận thu từ rừng phòng hộ và sản lượng gỗ chủ yếu từ một số hộ dân trồng tràm tại huyện Bình Chánh.

Trong tháng, không xảy ra vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp

### **1.3. Thủy sản**

Tổng sản lượng thủy sản tháng 4 năm 2023 ước thực hiện 4.436,8 tấn, tăng 4,1% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.158,8 tấn, tăng 6,7%; sản lượng tôm ước đạt 1.113,0 tấn, tăng 2,6%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.165,0 tấn, tăng 2,9%.

#### ***Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:***

– Sản lượng thủy sản khai thác tháng 4 năm 2023 ước thực hiện 1.074,0 tấn, giảm 0,5% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 586,0 tấn, tăng 7,7%; sản lượng tôm ước đạt 163,0 tấn, tăng 9,7%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 220,0 tấn, tăng 8,4%.

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 4 năm 2023 ước đạt 3.362,8 tấn, tăng 5,7% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 573,0 tấn, tăng 5,6%; sản

lượng tôm ước đạt 950,0 tấn, tăng 8,1%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 1.840 tấn, tăng 4,5%.

### ***Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 10/4/2023)***

**Tôm sú:** Hiện có 261 lượt hộ thả nuôi với 44,0 triệu con giống trên diện tích 3.262,2 ha. Diện tích thả nuôi tăng 0,8% so với cùng kỳ, số lượng con giống tăng 35,9%.

**Tôm thẻ chân trắng:** Có 628 lượt hộ thả nuôi với 228,1 triệu con giống trên diện tích 508,5 ha. Diện tích thả nuôi tăng 2,5% so với cùng kỳ, số lượng con giống giảm 2,4%.

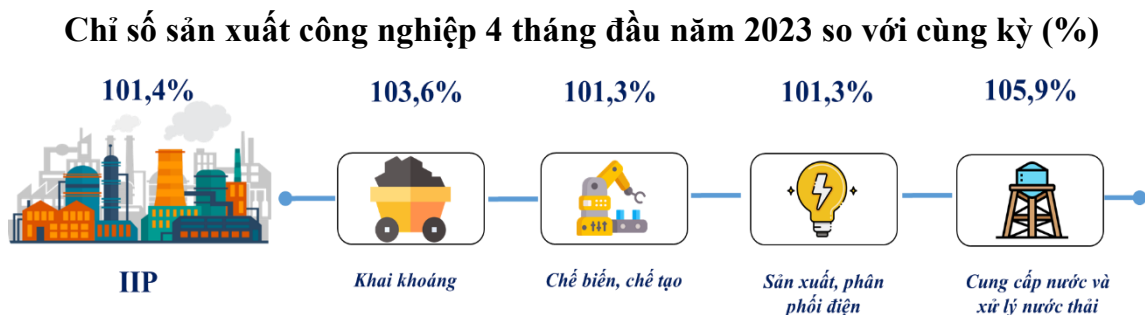
Trong tháng đã có 05 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 1,7 ha, số lượng con giống thiệt hại là 0,8 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 500 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

## **2. Sản xuất công nghiệp**

*Tình hình sản xuất công nghiệp trong tháng 4 năm 2023 có khởi sắc hơn so với tháng trước nhưng doanh nghiệp vẫn phải đối diện nhiều khó khăn khi thiếu đơn hàng sản xuất, công nhân thiếu việc làm, áp lực trả lãi vay ngân hàng.*

**Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4 năm 2023** ước tính tăng 3,0% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng tăng 7,8% so với tháng trước và tăng 21,8% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,0% so với tháng trước và tăng 8,2% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 0,1% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 7,2% so với cùng kỳ.

**Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố** tăng 1,4% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành khai khoáng tăng 3,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 1,3%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 5,9%.



**Đối với ngành công nghiệp cấp II**, có 19/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 4 tháng năm 2023 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức

tăng cao như: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 35,5%; sản xuất xe có động cơ tăng 32,4%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 26,2%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 18,3%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 18,2%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất trang phục giảm 18,1%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 16,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 14,9%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 9,4%.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 4 tháng đầu năm 2023  
so với cùng kỳ**

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>Tổng số</b>	<b>95,2</b>	<b>108,1</b>	<b>101,3</b>	<b>101,4</b>
<b><i>Chia theo ngành cấp 1</i></b>				
1. Công nghiệp khai khoáng	227,8	39,3	292,0	103,6
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	94,3	109,1	100,4	101,3
3. SX và phân phối điện	100,9	102,1	109,0	101,3
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	102,5	100,8	100,9	105,9
<b><i>Một số ngành chủ yếu</i></b>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	99,7	104,3	104,0	102,1
2. Sản xuất đồ uống	81,4	110,7	100,6	94,2
3. Sản xuất trang phục	84,0	86,6	111,1	81,9
4. Sản xuất da và SP liên quan	92,2	94,4	91,0	93,9
5. SX hóa chất và SP hóa chất	123,7	101,3	106,9	107,5
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	93,0	104,9	131,9	117,1
7. SP từ khoáng kim loại	93,5	110,4	103,7	85,1
8. Sản xuất SP điện tử	114,5	124,7	89,3	99,4
9. Sản xuất thiết bị điện	94,0	128,5	101,3	104,5
10. Sản xuất xe có động cơ	86,1	122,0	94,9	132,4

**Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm**, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 4 tháng đầu năm 2023 tăng 4,3% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành hóa dược tăng 12,6%; ngành cơ khí tăng 4,3%; ngành sản xuất hàng điện tử giảm 0,6%; ngành lương thực thực phẩm và đồ uống giảm 0,8%.

**Đối với ngành công nghiệp truyền thống**, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 4 tháng đầu năm 2023 giảm 10,7% so với cùng kỳ, trong đó ngành dệt tăng 0,8%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 6,1%; sản xuất trang phục giảm 18,1%.

**Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 4 năm 2023** tăng cao so với cùng kỳ như: Sữa hoặc kem đặc có hoặc không có đường tăng 40,4%; bao bì đóng gói bằng plastic tăng 21,4%; bột giặt và các chế phẩm dùng để tẩy rửa tăng 9,3%.

Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Xi măng giảm 20,2%; quần áo các loại trừ quần áo thể thao giảm 18,8%; bia chai, lon giảm 18,4%; sổ sách, vở, giấy và các SP bằng giấy chưa phân vào đầu giảm 10,2%.

**Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 4 năm 2023** ước tính tăng 4,7% so với tháng trước và tăng 1,0% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp giảm 4,7% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có mức tiêu thụ tăng mạnh như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 67,7%; sản xuất thiết bị điện tăng 26,1%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 18,3%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 13,7%. Một số ngành có mức tiêu thụ giảm mạnh như: Sản xuất kim loại giảm 41,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 32,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 29,0%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 25,6%.

**Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 4 năm 2023** ước tính tăng 9,1% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất kim loại tăng 73,1%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 71,4%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu tăng 57,1%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 40,8%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 59,9%; sản xuất thiết bị điện giảm 27,4%.

**Chỉ số lao động làm việc** tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 4 năm 2023 không thay đổi so với tháng trước và giảm 2,4% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, chỉ số lao động giảm 2,2% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất kim loại tăng 28,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 22,9%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 17,5%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 19,1%; sản xuất đồ uống giảm 18,9%; dệt giảm 11,3%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 10,4%.

### **3. Hoạt động doanh nghiệp**

#### **3.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp trong nước**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/4/2023, Thành phố đã cấp phép 14.752 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 144.568,3 tỷ đồng, tăng 9,6% về giấy phép và giảm 24,8% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 10.879 doanh nghiệp thành lập, tăng 10,4% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 84.505 tỷ đồng, giảm 41,2%.

**Phân theo loại hình doanh nghiệp:** Công ty TNHH có 13.260 đơn vị, tăng 13,5% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 116.019 tỷ đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 1.269 đơn vị, giảm 22,8%; vốn đăng ký 28.369 tỷ

đồng, giảm 71,5%. Doanh nghiệp tư nhân 221 đơn vị, tăng 70,0%; vốn đăng ký 125 tỷ đồng, tăng 64,5%.

**Phân theo loại hình kinh tế:**

**Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:** Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 42 đơn vị với vốn đăng ký đạt 509 tỷ đồng, giảm 14,3% về cấp phép và tăng 47,8% về vốn so với cùng kỳ.

**Khu vực công nghiệp, xây dựng:** Cấp phép 2.760 doanh nghiệp, tăng 1,1% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 54.856 tỷ đồng, tăng 24,4%. Trong đó, ngành xây dựng có 1.221 doanh nghiệp, tăng 1,9%, vốn đạt 44.558 tỷ đồng, tăng 311,1%; nhóm ngành công nghiệp có 1.539 đơn vị, tăng 0,5% với số vốn đăng ký đạt 10.298 tỷ đồng, giảm 69,0% về vốn.

**Khu vực thương mại, dịch vụ:** Cấp phép 11.950 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 89.203 tỷ đồng, giảm 39,6%. Trong đó, thương nghiệp có 6.090 đơn vị với vốn đăng ký đạt 45.965 tỷ đồng, giảm 12,3% về vốn; vận tải kho bãi có 647 đơn vị với vốn đăng ký đạt 6.184 tỷ đồng, tăng 58,1%; dịch vụ lưu trú ăn uống có 750 đơn vị với vốn đăng ký đạt 2.822 tỷ đồng, giảm 23,4%; kinh doanh bất động sản có 423 đơn vị với vốn đăng ký đạt 9.756 tỷ đồng, giảm 82,9%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 1.535 doanh nghiệp với vốn đăng ký 10.038 tỷ đồng, tăng 24,9%.

**3.2. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/04/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố là 979,6 triệu USD, giảm 23,4% so với cùng kỳ, trong đó:

- **Cấp mới** có 307 dự án với vốn đăng ký đạt 171,3 triệu USD, tăng 69,6% về số dự án cấp mới và giảm 8,0% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 126 dự án, vốn đăng ký là 63,3 triệu USD, chiếm 37,0%; kể đến hoạt động xây dựng với 03 dự án, vốn đăng ký là 53,7 triệu USD, chiếm 31,4% vốn đăng ký cấp mới; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 81 dự án, vốn đăng ký 33,7 triệu USD, chiếm 19,7%; hoạt động thông tin và truyền thông có 52 dự án, vốn đăng ký là 7,9 triệu USD, chiếm 4,6%. Singapore là quốc gia dẫn đầu về dự án cấp phép mới với 58 dự án, vốn đăng ký đạt 108,3 triệu USD, chiếm đến 63,2% vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản với 26 dự án, vốn đăng ký 14,8 triệu USD, chiếm 8,6%; Hồng Kông với 23 dự án, vốn đăng ký đạt 11,1 triệu USD, chiếm 6,5%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 95 lượt dự án với số vốn đạt 372,6 triệu USD, tăng 115,9% về số dự án và giảm 41,8% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ có 23 dự án, vốn đăng ký 136,1 triệu USD, chiếm 36,5% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động thông tin và truyền thông có 20

dự án, vốn đăng ký 129,0 triệu USD, chiếm 34,6% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy có 33 dự án, vốn đăng ký 53,9 triệu USD, chiếm 14,5%. Hoa Kỳ là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất trong 04 tháng đầu năm 2023 đạt 215,1 triệu USD, chiếm 57,7% vốn đăng ký điều chỉnh.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 691 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với vốn góp là 435,7 triệu USD, giảm 4,3% về số lượt góp vốn và giảm 3,8% về vốn góp so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số vốn góp đạt 182,3 triệu USD, chiếm 41,8% tổng vốn góp; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ với vốn góp là 156,3 triệu USD, chiếm 35,9%; hoạt động công nghiệp chế biến chế tạo có số vốn góp đạt 45,7 triệu USD, chiếm 10,5%. Singapore và Hàn Quốc là hai quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao nhất lần lượt chiếm 64,5% và 11,8%.

#### **Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố**

(từ ngày 01/01/2023 đến 20/4/2023)

	Năm 2023		% so với cùng kỳ năm 2022	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
<b>Tổng vốn đầu tư</b>		<b>979,6</b>		<b>76,6</b>
- Dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư	307	171,3	169,6	92,0
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	95	372,6	215,9	58,2
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	691	435,7	95,7	96,2

Lũy kế từ ngày 01/01/1988 đến ngày 20/4/2023, trên địa bàn Thành phố có 11.668 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đạt hơn 56,68 tỷ USD (*Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước*); 24.981 trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước với vốn góp đăng ký tương đương 24,23 tỷ USD. Tính chung giá trị vốn đầu tư nước ngoài cấp mới, vốn đầu tư tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp vào Thành phố đạt gần 80,91 tỷ USD.

#### **4. Đầu tư và Xây dựng**

##### **4.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ ngân sách**

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 4 năm 2023 là 2.368,6 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 8,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 7.790,0 tỷ đồng, tăng 30,4% so với cùng kỳ. Trong đó: vốn ngân sách cấp thành phố ước thực hiện 7.660,5 tỷ đồng, tăng 129,3%; vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 129,4 tỷ đồng, bằng 2,8 lần so với cùng kỳ.

### Tình hình thực hiện Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách

*ĐVT: Tỷ đồng*

	Kế hoạch năm 2023	Ước tính 4 tháng năm 2023	4 tháng đầu năm 2023 so với kế hoạch (%)	4 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>71.188,2</b>	<b>7.790,0</b>	<b>10,8</b>	<b>130,4</b>
<b>Vốn ngân sách cấp Thành phố</b>	<b>70.518,1</b>	<b>7.660,5</b>	<b>10,7</b>	<b>129,3</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	65.107,1	6.781,0	10,6	141,5
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>12.844,7</i>	<i>1.440,3</i>	<i>6,5</i>	<i>79,5</i>
Vốn nước ngoài (ODA)	1.412,6	208,5	14,8	-
Xổ số kiến thiết	3.998,4	671,1	11,3	92,3
<b>Vốn ngân sách cấp huyện</b>	<b>670,1</b>	<b>129,4</b>	<b>19,3</b>	<b>284,1</b>

## 4.2. Xây dựng

### 4.2.1. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên:

Tiến độ thi công toàn dự án đạt 95%. Ban Quản lý Đường sắt đô thị đang nỗ lực, phối hợp các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ dự án để hoàn thành 100% công tác thi công bao gồm lắp đặt các thiết bị còn lại, hoàn thiện kiến trúc các nhà ga và cầu bộ hành của trên toàn tuyến. Các công việc khác nhằm đồng bộ với quá trình hoàn thành công tác thi công cũng đang được triển khai, như đào tạo nhân lực cho dự án, thẩm định và nghiệm thu các nội dung phòng cháy chữa cháy, môi trường, an toàn hệ thống, cấp chứng chỉ bàn giao công trình.... Trong buổi đến thăm và tham dự buổi chạy thử nghiệm đoàn tàu metro từ ga Rạch Chiếc đến ga Bến xe Suối Tiên ngày 15/4/2023, Thủ tướng cùng đoàn công tác của Chính phủ chỉ đạo đơn vị cố gắng hoàn thành dự án Bến Thành - Suối Tiên vào dịp 2/9/2023, trước 1 quý so với dự kiến. Đây là công trình biểu tượng để chào mừng 50 năm thiết lập quan hệ Việt Nam - Nhật Bản.

- Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh:



Ban Giao thông phối hợp với tư vấn hoàn thành hồ sơ thiết kế kỹ thuật 04 gói thầu, báo cáo kết quả khảo sát nguồn vật liệu xây dựng đã đáp ứng đủ và sẵn sàng phục vụ khởi công dự án đường Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh trong tháng 6 năm 2023. Dự kiến UBND Thành phố sẽ phê duyệt chính sách bồi thường vào ngày 25/4/2023, bắt đầu chi trả (đợt 1) từ ngày 25/4/2023 đến 25/5/2023.

- Dự án nút giao thông An Phú:

Đang trong giai đoạn đôn hạ, di dời hơn 1.300 cây xanh trên đường Mai Chí Thọ để lấy mặt bằng. Dự án có 10 gói thầu xây lắp chính cùng các gói thầu tư vấn thiết kế, giám sát, bảo hiểm, rà phá bom mìn, vật nổ... Trong đó, 4 gói thầu xây dựng hầm chui HC1-01, hầm chui HC1-02, xây cầu Bà Dạt, cầu Giồng Ông Tố được khởi công từ ngày 29/12/2022; số lượng gói thầu còn lại dự kiến lần lượt triển khai trong quý II/2023 và toàn bộ dự án sẽ hoàn thành vào 30/4/2025. Thủ tướng giao Bộ GTVT thống nhất phạm vi đầu tư, quy mô và tiến độ hoàn thành dự án mở rộng đường dẫn cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây (đoạn từ nút giao thông An Phú tới đường Vành đai 2) để Thành phố có cơ sở xây dựng tiến độ triển khai nghiên cứu dự án đảm bảo đồng bộ và phát huy hiệu quả đầu tư các dự án trên tuyến.

#### **4.2.2. Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư**

Tính đến cuối tháng 3, toàn thành phố đã cấp 5.532 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 963,0 nghìn m<sup>2</sup>. So với cùng kỳ giảm 15,1% về giấy phép (-983 giấy phép) và giảm 26,3% về diện tích (-344,1 nghìn m<sup>2</sup>). Trong đó, cấp xây dựng mới 5.065 giấy phép với diện tích 917,2 nghìn m<sup>2</sup> và 467 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 45,8 nghìn m<sup>2</sup>.

### **5. Tài chính, ngân hàng và chứng khoán**

#### **5.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước**

*Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố ước tính 4 tháng đầu năm 2023 giảm 3,2% so với cùng kỳ do thu nội địa giảm 1,9%, thu từ dầu thô giảm 6,6% và thu từ xuất nhập khẩu giảm 6,0%. Chi ngân sách (trừ tạm ứng) tăng 2,4% so với cùng kỳ.*

**Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 4 tháng đầu năm 2023** ước thực hiện 170.021 tỷ đồng, đạt 36,2% dự toán và giảm 3,2% so với cùng kỳ. Cụ thể:

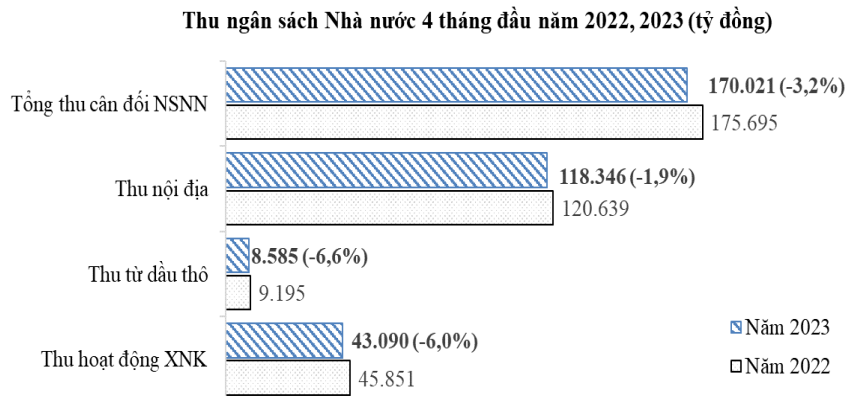
- Thu nội địa ước thực hiện 118.346 tỷ đồng, đạt 38,5% dự toán, chiếm 69,6% tổng thu cân đối và giảm 1,9% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 11.573 tỷ đồng, đạt 37,2% dự toán, chiếm 6,8% tổng thu và tăng 4,7%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 39.494 tỷ đồng, đạt 45,3% dự toán, chiếm 23,2% tổng thu và tăng 11,2%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

ước thực hiện 28.738 tỷ đồng, đạt 45,3% dự toán, chiếm 16,9% tổng thu và tăng 2,4%.

- Thu dầu thô ước thực hiện 8.585 tỷ đồng, đạt 53,7% dự toán, chiếm 5,1% tổng thu cân đối và giảm 6,6%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 43.090 tỷ đồng, đạt 29,6% dự toán, chiếm 25,3% tổng thu cân đối và giảm 6,0%.

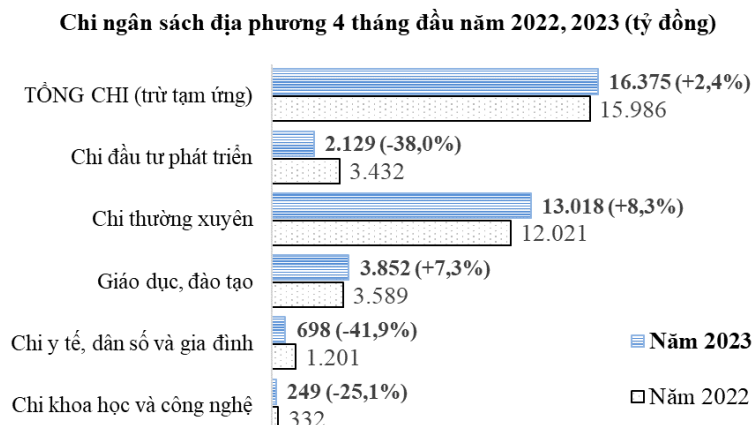
**Thu cân đối ngân sách địa phương 4 tháng đầu năm 2022**, ước thực hiện 47.798 tỷ đồng, đạt 40,8% dự toán, chiếm 28,1% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 8,6% so với cùng kỳ.



**Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 4 tháng đầu năm 2023** ước thực hiện 16.375 tỷ đồng, đạt 13,0% dự toán và tăng 2,4% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 15.256 tỷ đồng, đạt 13,8% dự toán và giảm 1,5% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 2.129 tỷ đồng, đạt 4,6% dự toán và giảm 38,0% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên ước thực hiện 13.018 tỷ đồng, đạt 21,7% dự toán và tăng 8,3%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 3.852 tỷ đồng, đạt 18,3% dự toán và tăng 7,3%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 698 tỷ đồng, đạt 11,1% dự toán và giảm 41,9%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 249 tỷ đồng, đạt 25,9% dự toán và giảm 25,1%.

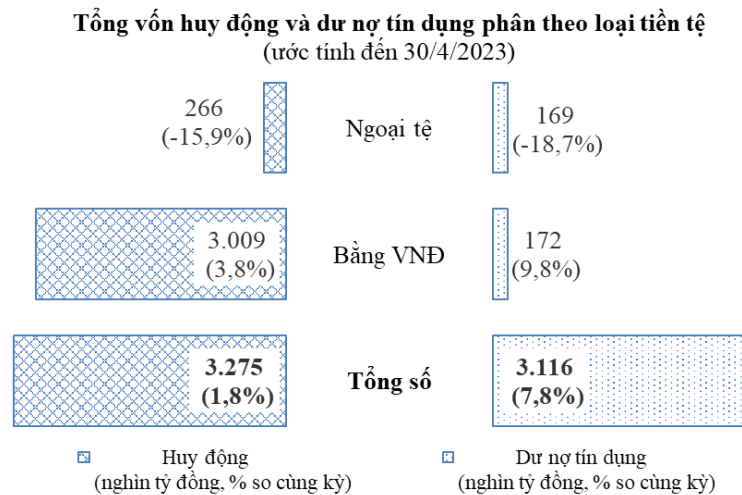


## 5.2. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

Thị trường tiền tệ trên địa bàn Thành phố trong tháng 4/2023 được điều hành linh hoạt theo điều hành của Ngân hàng Nhà nước. So với cuối tháng trước lãi suất huy động tại các khối ngân hàng đều có diễn biến giảm khoảng 0,1%-0,6%/năm tùy kỳ hạn. Đồng thời lãi suất huy động bằng VNĐ cũng có điều chỉnh giảm khoảng 0,22%-1,27%/năm tùy vào từng hệ thống ngân hàng thương mại.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 30/4/2023 đạt 3.275 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 3.009 nghìn tỷ đồng, chiếm 91,9% tổng vốn huy động, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 3,8% so với cùng kỳ.
- Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 266 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,1% tổng vốn huy động, tăng 0,5% so với tháng trước và giảm 15,9% so với cùng kỳ.



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 30/4/2023 đạt 3.288 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 7,8% so với cùng kỳ. Trong đó:

*Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:*

- Dư nợ tín dụng bằng VNĐ ước đạt 3.116 nghìn tỷ đồng, chiếm 94,8% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 9,8% so với cùng kỳ.
- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 172 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,2%, tăng 0,9% so với tháng trước và giảm 18,7% so với cùng kỳ.

*Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:*

- Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.520 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,2% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ.
- Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.768 nghìn tỷ đồng, chiếm 53,8% tổng dư nợ, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 5,5% so với cùng kỳ.

## 5.3. Thị trường chứng khoán

Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước trong tháng 3 năm 2023 giảm 38,1% so với tháng trước, nhưng khối lượng giao dịch tăng 3,0% về khối lượng và tăng 5,2% về giá trị so với tháng trước. Nhìn chung VN-Index trong tháng 3 năm 2023 có xu hướng đi ngang và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng, VN-Index đạt 1.064,64 điểm, tăng 5,7% so với 30/12/2022.

**Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/3/2023**, đã có 453 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 333 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ quỹ, 105 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 11 mã cổ phiếu, 03 mã chứng chỉ quỹ và giảm 20 mã chứng quyền so với tháng trước. Trong tháng 3/2023, có 39 mã chứng quyền hủy niêm yết trên sàn Hose do đáo hạn. Riêng từ đầu tháng 4/2023 đến ngày 19/4/2023 đã có 11 mã chứng quyền hủy niêm yết do đáo hạn.

**Trong tháng 3 năm 2023** có 23 phiên giao dịch được thực hiện có tổng khối lượng 12.286,5 triệu chứng khoán với giá trị 213.001,5 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã tăng 3,0% về khối lượng và tăng 5,2% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 88,2% về khối lượng và chiếm 85,8% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 534,2 triệu chứng khoán với 9.260,9 tỷ đồng được giao dịch, giảm 10,4% về khối lượng và giảm 8,6% về giá trị so với tháng trước.

**Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023**, tổng khối lượng giao dịch đạt 33.959,4 triệu chứng khoán với 586.092,6 tỷ đồng, giảm 29,7% về khối lượng và giảm 65,3% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 88,1% về khối lượng và chiếm 85,0% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 575,6 triệu chứng khoán với 9.933,8 tỷ đồng được giao dịch, giảm 30,9% về khối lượng và giảm 65,9% về giá trị so với cùng kỳ.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2023 như sau:

#### Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 3/2023	Lũy kế 3 tháng 2023	Tháng 3/2023 so với tháng 02/2023	So với cùng kỳ
<b>A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)</b>	<b>12.286,5</b>	<b>33.959,4</b>	<b>103,0</b>	<b>70,3</b>
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	9.814,8	26.981,9	102,5	66,0
- Trái phiếu	1,6	5,2	106,7	12,1
- Chứng chỉ quỹ & ETF	113,7	359,0	95,1	113,9
- Chứng quyền	2.356,4	6.613,3	105,4	93,0

2. Chia theo hình thức giao dịch:

- Giao dịch khớp lệnh	10.830,6	29.905,6	102,3	65,1
- Giao dịch thoả thuận	1.455,9	4.053,8	108,8	170,6
<b>B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)</b>	<b>213.001,5</b>	<b>586.092,6</b>	<b>105,2</b>	<b>34,7</b>

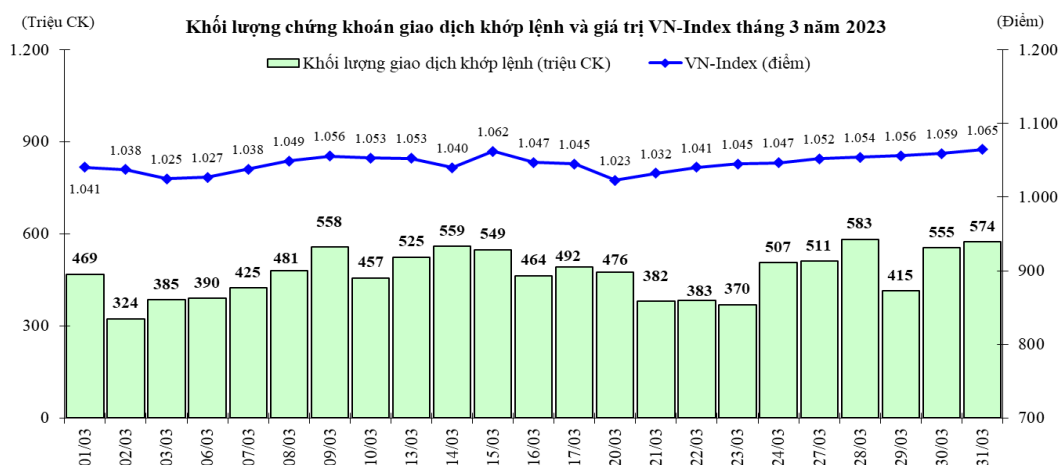
1. Chia theo loại chứng khoán:

- Cổ phiếu	165.305,3	461.127,6	101,5	33,2
- Trái phiếu	5,8	19,3	101,8	3,9
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.118,8	6.725,8	98,8	81,3
- Chứng quyền	45.571,6	118.219,9	121,3	40,4

2. Chia theo hình thức giao dịch:

- Giao dịch khớp lệnh	182.830,3	498.210,6	106,4	35,3
- Giao dịch thoả thuận	30.171,2	87.882,0	98,1	31,4

**Chỉ số VN-Index tháng 3 năm 2023**, với 23 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 15 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 3 năm 2023, VN-Index tăng lên mức 1.040,55 điểm, tăng 1,5% (tương ứng tăng 15,87 điểm) so với phiên giao dịch trước và tăng 3,3% (tương ứng tăng 33,46 điểm) so với 30/12/2022. Nhìn chung thị trường chứng khoán trên sàn Hose trong tháng 3 năm 2023 có xu hướng nằm ngang và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng, VN-Index đạt 1.064,64 điểm, tăng 2,3% (tương ứng tăng 24,09 điểm) so đầu tháng và tăng 5,7% (tương ứng tăng 57,55 điểm) so với 30/12/2022; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.246.354 tỷ đồng, gấp 2,87 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2022.



**Cập nhật phiên giao dịch ngày 19/4/2023** có 437 mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 319 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ, 105 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.048,98 điểm, tăng 4,2% (tương ứng tăng 41,89 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.183.723 tỷ đồng.

## 6. Thương mại, dịch vụ và vận tải

Nhiều chương trình giảm giá, khuyến mãi diễn ra nhằm kích thích tiêu dùng của người dân trong dịp lễ 30/4 và 1/5 nhưng mức tăng trưởng của hoạt động thương mại, dịch vụ còn chậm do lượng khách quốc tế đến Thành phố không nhiều, hoạt động bất động sản, ăn uống, vui chơi giải trí chưa phục hồi mạnh như trước đại dịch.

### 6.1. Thương mại, dịch vụ

Sang tháng 4, dự ước một số ngành hàng và dịch vụ có sự chuyển biến tích cực như: Bán lẻ hàng lương thực thực phẩm (chiếm tỷ trọng cao nhất trong hoạt động bán lẻ) duy trì mức tăng trên 4%; bán lẻ đồ dùng dụng cụ gia đình tăng cao (+11,4%); dịch vụ văn hóa thể thao vui chơi giải trí từ giảm khá sâu trong tháng 3 (-18%) đã có mức tăng ước đạt 4%; bán lẻ các mặt hàng điện thoại, máy tính, linh kiện điện tử cũng tăng mạnh (+33,8%) sau khi giảm sâu trong tháng trước, ngoài ra dịch vụ kinh doanh bất động sản có mức tăng khá cao khi các dự án căn hộ chung cư được tiêu thụ...

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 ước tăng 12,2% so tháng trước, tăng 6,2% so tháng 4/2022, cộng dồn 4 tháng đầu năm tăng 5,0% so cùng kỳ (tăng 0,4 điểm phần trăm so với mức tăng 3 tháng).**

#### Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Ước tính tháng 4 năm 2023 (tỷ đồng)	Ước tính 4 tháng năm 2023 (tỷ đồng)	Tháng 4 năm 2023 so tháng trước (%)	Tháng 4 năm 2023 so cùng kỳ (%)	Cộng dồn 4 tháng so cùng kỳ (%)
<b>Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</b>	<b>95.853</b>	<b>359.581</b>	<b>112,2</b>	<b>106,2</b>	<b>105,0</b>
Bán lẻ hàng hóa	56.741	219.718	108,7	110,3	109,1
Dịch vụ lưu trú ăn uống	8.358	31.577	105,0	117,8	131,4
Dịch vụ lữ hành	721	2.872	110,1	179,7	178,7
Dịch vụ khác	30.032	105.415	121,9	95,9	91,3

**Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 4** ước đạt 56.741 tỷ đồng, chiếm 59,2% trong tổng mức, tăng 8,7% so với tháng 3. Diễn biến ở một số nhóm ngành hàng có tỷ trọng lớn như sau:

- Nhóm lương thực thực phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất 21%, tăng 4,5%;
- Nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 11,8%, tăng 11,4%;
- Nhóm hàng may mặc chiếm 6,8%, tăng 4,7%;

- Nhóm hàng hóa khác chiếm 20,4%, tăng 33,8%.

**So với tháng cùng kỳ**, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 10,3%, trong đó lương thực thực phẩm tăng 27,6%, hàng may mặc tăng 9,1%, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 5,5%, ô tô tăng 23,6%, xăng dầu tăng 8,4%.

**Cộng dồn 4 tháng đầu năm**, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 219.718 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng lương thực thực phẩm tăng 25,8%, hàng may mặc tăng 6,2%, ô tô tăng 27,7%, xăng dầu tăng 14,1%.

**Dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 4** ước đạt 8.358 tỷ đồng, chiếm 8,8% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 5% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu hoạt động ăn uống tăng 5,2%, doanh thu lưu trú tăng 3,5% so với tháng trước. **So với cùng kỳ**, doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 17,8%, trong đó dịch vụ lưu trú tăng 51,3%; dịch vụ ăn uống tăng 14,9%. **Cộng dồn 4 tháng** doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 31,4% so với cùng kỳ, dịch vụ ăn uống tăng 30,7%; dịch vụ lưu trú tăng 38,1%.

**Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 4** ước đạt 721 tỷ đồng, tăng 10,1% so với tháng trước, so với cùng kỳ tăng 79,7%; **cộng dồn 4 tháng** tăng 78,7% so với cùng kỳ. Do doanh thu lĩnh vực này chỉ chiếm chưa đến 1% nên ảnh hưởng không đáng kể lên tổng mức chung.

**Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 4** ước đạt 30.032 tỷ đồng, tăng 21,9% so với tháng trước chủ yếu do 2 hoạt động kinh doanh bất động sản và vui chơi giải trí tăng. Tuy nhiên, **so với tháng 4/2022** vẫn còn giảm 4,1%. **Cộng dồn 4 tháng** ước đạt 74.913 tỷ đồng, giảm 8,7% so với cùng kỳ, trong đó kinh doanh bất động sản giảm 14,6%, hoạt động vui chơi giải trí giảm 14,7%.

## 6.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4 năm 2023 quay đầu giảm 0,11 so với tháng trước sau khi tăng 3 tháng liên tục (tháng 3 tăng 0,04%; tháng 02 tăng 0,33%; tháng 01 tăng 0,38%), với **5/11** nhóm hàng tăng giá gồm: Đồ uống và thuốc lá, giao thông, giáo dục, văn hóa giải trí, hàng hóa và dịch vụ khác; 1/11 nhóm hàng không biến động là thuốc và dịch vụ y tế; 5 nhóm còn lại giảm là hàng ăn và dịch vụ ăn uống, may mặc, nhà ở và vật liệu xây dựng, đồ dùng gia đình và bưu chính viễn thông.

### **Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành so với tháng trước như sau:**

**Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống:** Giảm 0,22% trong đó lương thực tăng 0,18% với giá gạo tăng 0,16%, lương thực chế biến tăng 0,56% (tình hình giá lương thực có xu hướng tăng liên tục); thực phẩm giảm 0,50%, trong đó thịt lợn giảm 0,7%, thịt gia cầm giảm 0,31%, trứng giảm 0,9%; thủy sản tươi sống giảm 0,18%, thủy sản chế biến giảm 0,05%, rau các loại giảm 2,61%. Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,11%.



*Nhóm đồ uống và thuốc lá:* Tăng 0,31% so với tháng trước, trong đó đồ uống không cồn giảm 0,62%, rượu bia tăng 0,81%, thuốc lá tăng 0,93%.

*Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép:* Giảm 0,03%, trong đó vải tăng 0,7%, quần áo may sẵn giảm 0,02%, giày dép tăng 0,23%.

*Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng:* Giảm 0,64% (là nhóm giảm nhiều nhất trong tháng) do tác động của giá gas giảm mạnh (-12,97% so với tháng 3), điện sinh hoạt tăng 0,28%, dịch vụ sửa chữa nhà giảm 3,22%.

*Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình:* Giảm 0,23%, trong đó đồ điện giảm 0,6%, đồ dùng nấu ăn giảm 1,45%, xà phòng chất tẩy rửa giảm 0,15%.

*Nhóm giao thông:* Tăng 0,37%, trong đó xăng tăng 1,1% (qua 3 lần điều chỉnh giá xăng tăng trong tháng), dịch vụ giao thông công cộng giảm 0,66% (vận tải hành khách đường sắt giảm 4,21%, vận tải hành khách hàng không giảm 1,31%, vận tải khách bằng taxi tăng 0,33%).

*Nhóm bưu chính viễn thông:* Giảm 0,14% so với tháng trước chủ yếu do mặt hàng điện thoại các loại giảm 0,3%, các dịch vụ bưu chính và viễn thông không thay đổi.

*Nhóm hàng hóa, dịch vụ khác:* Tăng 0,47%, trong đó đồ dùng cá nhân tăng 0,35%, dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,9%.

**So với tháng 4/2022** chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,43% trong đó trừ giao thông giảm 3,64%, các nhóm còn lại đều tăng với nhóm giáo dục tăng cao nhất ở mức +15,29%, tiếp theo là hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,2%.

**Bình quân 4 tháng đầu năm 2023**, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,23%, chỉ trừ nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,22% và nhóm giao thông giảm 1,87%, **9** nhóm còn lại đều tăng, trong đó các nhóm tăng cao gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,55%; đồ uống thuốc lá tăng 4,62%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,3%; văn hóa giải trí tăng 5,69% và giáo dục tăng 15,29%.

### Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	<i>Đơn vị tính: %</i>			
	Tháng 4 so với tháng cùng kỳ năm trước		Chỉ số giá bình quân 4 tháng so với năm trước	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>102,41</b>	<b>103,43</b>	<b>101,74</b>	<b>104,23</b>
Trong đó: Lương thực	104,67	104,42	104,40	104,65
Thực phẩm	101,13	103,33	100,79	103,54
<b>2. Chỉ số giá vàng</b>	125,46	96,76	116,49	102,69
<b>3. Chỉ số giá USD</b>	99,54	102,31	99,80	102,62



Chỉ số giá vàng tháng 4 năm 2023 tăng 0,33% so với tháng trước, giảm 0,07% so tháng 12 năm 2022 và giảm 3,24% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 4 tháng năm 2023 tăng 2,69% so với năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4 năm 2023 giảm 0,87% so với tháng trước, giảm 2,43% so với tháng 12 năm 2022 và tăng 2,31% so với cùng kỳ; bình quân 4 tháng năm 2023 tăng 2,62% so với cùng kỳ.

### 6.3. Vận tải hàng hóa và hành khách

#### 6.3.1. Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách

**Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải** tháng 4 ước đạt 26.091 tỷ đồng, tăng 13,7% so với tháng trước và tăng 3,4% so với tháng cùng kỳ. Luỹ kế bốn tháng ước đạt 91.121 tỷ đồng, giảm 5,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa tăng 2,7%, doanh thu vận chuyển hành khách tăng 72,5% so với cùng kỳ, nhưng dịch vụ hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải giảm 15,9%. Nguyên nhân: do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế từ cuối năm 2022 cho đến nay, giá cước vận tải giảm, các doanh nghiệp lớn giảm đơn hàng, phải cắt giảm nhân sự để duy trì hoạt động...

#### Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 4 tháng đầu năm 2023

	Doanh thu 4 tháng (tỷ đồng)		So với cùng kỳ (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>27.229</b>	<b>7.889</b>	<b>102,7</b>	<b>172,5</b>
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	5.553	359	124,6	152,7
Kinh tế ngoài nhà nước	21.294	5.847	98,9	158,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	382	1.683	75,8	255,2
<i>Phân theo ngành vận tải</i>				
Trong đó: Đường bộ	16.098	4.996	87,3	144,3
Đường sắt	114	327	85,3	148,7
Đường sông	3.076	1.022	173,6	279,8
Đường biển	7.930	47	129,1	-
Đường hàng không	11	1.497	86,4	283,9

**Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 27.229 tỷ đồng, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 20,4%, tăng 24,6%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 78,2%, giảm 1,1%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,4%, giảm 24,2% so với cùng kỳ.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 59,1%, giảm 12,7%; vận tải đường sông chiếm 11,3%, tăng 73,6%; vận tải đường biển chiếm 29,1%, tăng 29,1% so với cùng kỳ.

**Vận tải hành khách:** Doanh thu 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 7.889 tỷ đồng, tăng 72,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 4,6%, tăng 52,7%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 74,1%, tăng 58,9%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 21,3%, tăng 155,2%.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 63,3%, tăng 44,3% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 4,1%, tăng 48,7%; đường sông chiếm 13,0%, tăng 179,8%; đường hàng không chiếm 19,0%, tăng 187,9%.

**Hoạt động hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát:** Doanh thu 4 tháng đầu năm ước đạt 56.003 tỷ đồng, giảm 14,9% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kho bãi – dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 53.711 tỷ đồng, giảm 15,9%; Bưu chính và chuyển phát đạt 2.292 tỷ đồng, tăng 17,7%.

### 6.3.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

**Sản lượng vận tải hàng hóa:** Tháng 4 ước đạt 21.511 nghìn tấn, tăng 17,3% so với tháng trước; tăng 3,6% so với cùng kỳ. Luỹ kế bốn tháng đầu năm 2023 ước đạt 71.706 nghìn tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực nhà nước chiếm 21,0%, tăng 30,7%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 77,5%, giảm 5,8% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,4%, giảm 22,0%.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 57,3%, giảm 17,9%; vận tải đường sông chiếm 25,4%, tăng 63,9%; vận tải đường biển chiếm 17,0%, tăng 17,1% so với cùng kỳ.

**Sản lượng vận tải hành khách:** Tháng 4 ước đạt 55.446 nghìn hành khách, tăng 18,4% so với tháng trước; tăng 10,1% so với cùng kỳ. Luỹ kế bốn tháng đầu năm 2023 ước đạt 192.010 nghìn hành khách, tăng 23,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực nhà nước chiếm 0,6%, tăng 6,6%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 95,0%, tăng 23,0% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 4,4%, tăng 48,2%.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 92,0%, tăng 20,0%; vận tải đường sông chiếm 7,0%, tăng 93,1% và vận tải hàng không chiếm 0,6%, tăng 125,9% so với cùng kỳ.

## 7. Một số tình hình xã hội

### 7.1. Hoạt động y tế (từ ngày 16/3/2023 đến ngày 15/4/2023)

- **Tình hình bệnh Sốt xuất huyết (SXH):** Số ca mắc trong tháng là 1.283 ca, giảm 13,0% (-192 ca) so với tháng trước, không có ca tử vong.

- **Tình hình bệnh Tay Chân Miệng (TCM):** Số ca mắc trong tháng là 365 ca, tăng 50,2% (+122 ca) so với tháng trước, không có trường hợp tử vong.

- **Tình hình bệnh Covid-19:** Số ca mắc trong tháng là 45 ca, tăng 31 ca so với tháng trước, không có trường hợp tử vong.

*Tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19*: Thành phố đã cập nhập thông tin các mũi tiêm còn thiếu vào “Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid -19” trước ngày 24/3/2023. Kể từ tháng 4/2023 Thành phố sẽ sử dụng số liệu báo cáo được trích xuất từ “Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19” này. Đồng thời, tổ chức Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, đánh giá công tác an toàn tiêm chủng tại các cơ sở thực hiện tiêm chủng năm 2023.

### **Công tác khám chữa bệnh và điều trị**

Thành phố chú trọng phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân. Trong tháng đã khánh thành Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2. Dự kiến cuối tháng 4 sẽ khánh thành bệnh viện phục hồi chức năng và điều trị bệnh nghề nghiệp, trung tâm pháp y; nâng cấp, cải tạo, mua sắm trang thiết bị cho 146 trạm y tế phường xã; triển khai xây dựng và nâng cấp các bệnh viện đa khoa khu vực cửa ngõ của Thành phố.

### **Vệ sinh an toàn thực phẩm**

Trong tháng, Thành phố đã kiểm tra, giám sát ngộ độc thực phẩm trong quá trình diễn ra đối với 03 Lễ hội, gồm: Lễ hội Bánh mì lần thứ I năm 2023; Lễ hội Du lịch golf và Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 19 năm 2023.

Sự cố tại trường trung học cơ sở Gò Xoài, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh ngày 09/02/2023 có 06 học sinh có các triệu chứng bất thường (chóng mặt, nôn ói, đau bụng, mệt) được kết luận không phải là một vụ ngộ độc thực phẩm; ghi nhận vụ việc 07 bệnh nhân quốc tịch Indonesia có triệu chứng đau bụng, buồn nôn, nôn và tiêu chảy sau khi đi công tác từ Đà Nẵng về tới sân bay Tân Sơn Nhất và được chuyển đến bệnh viện Tâm Anh cấp cứu (sau 01 ngày điều trị đã xuất viện).

### **7.2. Hoạt động giáo dục**

Chủ động phòng chống dịch trong tổ chức, cơ sở giáo dục; thực hiện truyền thông đến phụ huynh và học sinh biết đường lây truyền các bệnh truyền nhiễm và lợi ích của tiêm vắc xin phòng bệnh.

Triển khai công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2023-2024 và các văn bản hướng dẫn về: Hẹp và tư vấn cha mẹ học sinh tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024; xét tốt nghiệp trung học cơ sở năm 2023; tổ chức thi tuyển sinh lớp 10 thường, chuyên, tích hợp, tuyển thẳng năm học 2023-2024; tổ chức thi và xét tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2022-2023 chương trình song ngữ tiếng Pháp và kỳ thi trình độ tiếng Hoa cấp tiểu học.

Tập trung triển khai có hiệu quả, đảm bảo tiến độ thực hiện các Đề án: Đề án Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020-2030; đề án đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ở 8 ngành giai đoạn 2020-2035 và thực hiện công tác chuyển đổi số của Ngành.

### **7.3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao**

#### **Về văn hóa, nghệ thuật:**

Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các chương trình văn hóa, nghệ thuật đặc sắc phục vụ nhiệm vụ chính trị như: Chương trình kỷ niệm 48 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023) và 137 năm Ngày Quốc tế Lao động (01/5/1886 - 01/5/2023); lễ viếng Nghĩa trang TP.HCM (29/4); lễ dâng hương, dâng hoa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Tôn Đức Thắng (29/4); kỷ niệm 50 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Pháp tại Nhà hát Thành phố (số 7 Công trường Lam Sơn, Quận 1); ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần 2 năm 2023 diễn ra từ ngày 19 – 23/4 với thông điệp “Sách: Nhận thức – Đổi mới – Sáng tạo”; “Sách cho tôi, cho bạn”, “Mỗi người dân là một Đại sứ văn hóa đọc”.

Lễ 30/4 năm nay Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến bắn pháo hoa tại 2 điểm (thay vì 5 điểm như hàng năm). Cụ thể một điểm tại khu vực đầu đường hầm sông Sài Gòn (tại phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức), một điểm tại Công viên Văn hóa Đầm Sen (phường 3, quận 11), thời gian dự kiến vào lúc 21 giờ ngày 30/4/2023.

#### ***Về hoạt động thể thao:***

Kỷ niệm 77 năm ngày truyền thống Ngành Thể dục thể thao 27/3/1946 – 27/3/2023) ngày Bác Hồ đã viết bài “Thể dục và sức khỏe” kêu gọi toàn dân tập thể dục, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023” tại trung tâm Thành phố; kỷ niệm 43 năm Ngày Người khuyết tật Việt Nam (18/4/1980 - 18/4/2023) tổ chức thể thao người khuyết tật năm 2023 tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, đường Nguyễn Huệ.

#### **7.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ 16/3/2023 đến 16/4/2023)**

##### ***Tình hình trật tự an toàn giao thông:***

Trong tháng, xảy ra 124 vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 3,1% so với cùng kỳ, làm chết 39 người, giảm 11,4%; bị thương 77 người giảm 6,1%.

Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa.

##### ***Về tình hình cháy nổ:***

Trong tháng, xảy ra 18 vụ cháy, giảm 10,0% so với cùng kỳ; làm chết 02 người, 03 người bị thương; trị giá tài sản thiệt hại khoảng 20 triệu đồng (còn 14 vụ chưa thống kê được thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

##### ***Vĩ phạm kinh tế:***

Trong tháng đã phát hiện và xử lý 119 vụ vi phạm kinh tế và buôn lậu, thu giữ hàng hóa vi phạm trị giá 5,5 tỷ đồng; khởi tố 143 vụ, 49 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 66 vụ. Các hành vi vi phạm chủ yếu là sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, nhất là phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp liên quan các mặt hàng thiết yếu, y tế, gây bất ổn thị trường.

***Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy:***

Trong tháng, đã phát hiện, xử lý 217 vụ, 467 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 184 vụ, 288 bị can, xử lý hành chính 32 vụ, 175 đối tượng; thu giữ 225,89 kg Heroin; 5,91 gram Cần sa; 59,18 kg ma túy tổng hợp; 2,06 gram chất chưa xác định; 01 khẩu súng cùng một số công cụ, phương tiện khác liên quan.

***Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội:***

Trong tháng, ghi nhận 308 vụ, giảm 4,9% so với cùng kỳ; làm chết 06 người, bị thương 12 người, tài sản thiệt hại khoảng 3,2 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 224/308 vụ (đạt 72,7%) và bắt 338 đối tượng.

**7.5. Tình hình giải quyết việc làm**

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 27.985 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 04 tháng là 108.639/300.000 lượt người, đạt 36,2% kế hoạch năm.

Về tạo việc làm mới: Trong tháng có 12.304 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới trong 04 tháng là 48.879/140.000, đạt 34,9% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong tháng 4 là 96 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

***Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp:***

Tính từ đầu năm tới nay, đã tiếp nhận 32.255 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 28.618 người lao động đủ điều kiện.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 4 và 4 tháng năm 2023.

***Nơi nhận:***

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

**CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Khắc Hoàng**